

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2022/TLST- KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S**

Địa chỉ: Số nhà 6, đường N, phường 19, thành phố T, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L - Chức vụ: P.

Đại diện theo uỷ quyền: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Số 5, ngõ 1, đường X, phường D, quận C, thành phố H.

Người được uỷ quyền lại: 1. Ông Tạ Văn T, sinh năm 1980.

2. Ông Phạm Đức T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Tầng 12, số 4, ngõ 9, đường T, phường T, quận C, thành phố H.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1981 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H**

Địa chỉ: Số nhà 12, tổ dân phố 14, phường H, thành phố T, tỉnh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

*** Về trách nhiệm thanh toán nợ:**

Ông Nguyễn Ngọc H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S tổng số tiền là **747.836.103** đồng (*Bảy trăm, bốn mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm linh ba đồng*), trong đó: Tiền gốc là 640.000.416 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bốn trăm linh ba đồng*) và tiền lãi tính đến ngày 07/3/2022 là 107.835.686 đồng (*Một trăm linh bảy triệu, tám trăm ba mươi sáu nghìn, sáu trăm tám sáu đồng*). (*Thời gian từ ngày 08/3/2022 đến ngày 09/5/2022, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

*** Về án phí:**

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí có giá ngạch của vụ án số tiền là **8.478.361** đồng (*Tám triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.957.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000232 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S số tiền chênh lệch là 8.478.639 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn S đã nộp đủ án phí của vụ án.

- Ông Nguyễn Ngọc H - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí có giá ngạch của vụ án số tiền là **8.478.361** đồng (*Tám triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi mốt đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy